

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Trà Cú, ngày tháng 7 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường xây**  
**dựng xã, huyện nông thôn mới**  
**(tháng 7/2023)**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh.

Thực hiện Công văn số 1991/STNMT-QLMT ngày 04/7/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai thực hiện tiêu chí môi trường trên địa bàn huyện Trà Cú;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng huyện nông thôn mới tháng 7/2023 cụ thể như sau:

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 02/03/2023 về việc Xây dựng huyện Trà cú đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2023; Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về phân công nhiệm vụ các phòng, ban, ngành huyện phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí: xã Nông thôn mới, xã Nông thôn mới nâng cao, xã Nông thôn mới kiểu mẫu và huyện Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 13/7/2023 về thực hiện nhiệm vụ xây dựng báo cáo và hoàn thiện hồ sơ huyện nông thôn mới năm 2023.

**I. Kết quả thực hiện**

**1. Kết quả thực hiện Tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm đối với xã nông thôn mới (đính kèm Phụ Lục 1).**

- Tiêu chí 17.1 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.2 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.3 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.4 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.5 có 15/15 xã đạt.

- Tiêu chí 17.6 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu Chí 17.7 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.8 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.9 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.10 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.11 có 15/15 xã đạt.
- Tiêu chí 17.12 có 15/15 xã đạt.

## **2. Kết quả thực hiện Tiêu chí số 17 về môi trường và tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường sống đối với xã nông thôn mới nâng cao**

Có 2 xã đạt NTM nâng cao giai đoạn 2015 - 2020: Ngọc Biên và Đại An và 01 xã đang xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025 ( xã Tập Sơn) (đính kèm Phụ Lục II).

### **\* Kết quả thực hiện tiêu chí 17: Môi trường**

- Xã Ngọc Biên: Đạt 12/12 chỉ tiêu.
- Xã Đại An: Đạt 12/12 chỉ tiêu.
- Xã Tập Sơn: Đạt 12/12 chỉ tiêu.

### **\* Kết quả thực hiện tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống**

- Xã Ngọc Biên: Đạt 8/8 chỉ tiêu.
- Xã Đại An: Đạt 8/8 chỉ tiêu.
- Xã Tập Sơn: Đạt 8/8 chỉ tiêu.

## **3. Kết quả thực hiện Tiêu chí số 7 về môi trường huyện nông thôn mới**

**3.7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh**

- **Tình hình thực hiện Đề án:** Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Trà Cú giai đoạn 2021-2023. Nhìn chung quá trình thu gom, quản lý chất thải rắn đảm bảo đúng theo đề án.

- Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt:

- Tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn: 70,61 tấn/ngày<sup>(1)</sup>. Trên địa bàn huyện có 878 thùng rác loại thùng, thùng 129 lít; 240lít, thùng 660 lít, Khối lượng CTRSH được xe thu gom: 26,2 tấn/ngày. Khối lượng CTRSH hộ gia đình tự xử lý thông qua mô hình phân loại: 16,61 tấn/ngày, có 14.709 hộ tham gia.

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp: Chất thải rắn nông nghiệp chủ yếu là phụ phẩm nông nghiệp đa số tái sử dụng phục vụ cho chăn nuôi gia súc và trồng trọt, làm chất đốt, bán phế liệu...như rơm phục vụ chăn nuôi gia súc, phục vụ trồng màu, làm phân hữu cơ, đối với rác thải trong sản xuất nông nghiệp vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom vào bể và thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định tăng suất 01 năm/ lần.

Huyện có xây dựng Phương án đã được phê duyệt theo Quyết định số 4291/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện về phê duyệt phương án “thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn; bao gói thuốc bảo vệ thực vật; Y tế; chất thải nhựa trên địa bàn huyện Trà Cú”.

-Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn huyện: Đảm bảo thực hiện theo Phương án đã được phê duyệt theo Quyết định số 4291/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện về phê duyệt phương án “thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn; bao gói thuốc bảo vệ thực vật; Y tế; chất thải nhựa trên địa bàn huyện Trà Cú”.

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại (bao bì thuốc BVTV) trên địa bàn huyện: Trên địa bàn huyện bố trí 441 bể chứa bao bì thuốc BVTV, ước tính lượng rác thải phát sinh 3,9 tấn/năm. Đối với chất thải này thực hiện theo Hướng dẫn số 01/HDLĐ-STNMT-SNNPTNT ngày 02/02/2023 về hướng dẫn liên sở thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đến nay Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Công văn số 376/UBND-TH ngày 29/3/2023 cho chủ trương thực hiện công tác thu gom, xử lý miếng kính, bao thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp đơn vị chức năng khảo sát thu gom, xử lý theo quy định của năm 2023.

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải y tế trên địa bàn huyện: Chất thải rắn Y tế trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý đạt 100%. Đảm bảo thực hiện theo Phương án đã được phê duyệt theo Quyết định số 4291/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện về phê duyệt phương án “thu gom, phân loại chất

---

<sup>1</sup> - Khu vực đô thị : 9,46 tấn/ ngày, Khu vực nông thôn: 61,15 tấn / ngày

thải rắn tại nguồn; bao gói thuốc bảo vệ thực vật; Y tế; chất thải nhựa trên địa bàn huyện Trà Cú”.

- Tình hình tại Bãi chôn lấp rác của huyện: Bãi rác Long Hiệp: 2.856m<sup>2</sup>, bãi rác khóm 1, thị trấn Trà Cú: 1.119,04m<sup>2</sup> đã sử dụng 100% sức chứa. Lượng rác tiếp nhận hàng ngày: không tiếp nhận, chờ đóng cửa. Tình hình thực hiện thủ tục môi trường: Đang vận hành thủ tục đóng cửa bãi rác theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/7/2021. Tuy nhiên do tình hình Công ty TNHH Kim Hoàng Phát có sự cố nên tạm ngưng hoạt động, nên huyện có báo cáo xin Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và được sự thống nhất cho tạm dừng đóng cửa, chuyển sang năm 2024 thực hiện đóng cửa 02 bãi rác nói trên.

- *Tình hình Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt*: Công ty TNHH Kim Hoàng Phát (lò đốt chất thải sinh hoạt), Công ty TNHH MTV Môi trường Trà Vinh (rác thải nguy hại). Lượng rác thải sinh hoạt tiếp nhận: 24-26 tấn/ngày. Lượng rác xử lý hàng ngày: quy mô 25 tấn/ngày rác thải sinh hoạt và 15 tấn/ngày rác thải công nghiệp. Tuy nhiên Công ty Kim Hoàng Phát đang tạm ngưng hoạt động. UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Trà Cú.

**\* Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh**

- Tổng lượng rác thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện: 70,61 tấn/ngày. Hiện nay, khối lượng rác thải được xử lý bằng lò đốt 26,2 tấn/ngày, chôn lấp hợp vệ sinh, ủ phân hữu cơ là 16, 61 tấn/ngày.

- Tổng lượng rác thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp: 27,8 tấn/ngày.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp 27,8/70,61 tấn/ngày chiếm 39,37 %.

**3.7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ( $\geq 40\%$ )**

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = 21.316/ 43.369 chiếm 49,15 %.

**3.7.3. Mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên ( $\geq 01$  mô hình).**

Hiện nay huyện có mô hình xử lý rác sinh hoạt hữu cơ từ hộ gia đình bằng thùng ủ rác ở xã Ngọc Biên, Lưu Nghiệp Anh, Đại An, Tân Sơn và có 01 nhà máy phân vi sinh đóng trên địa bàn xã ngãi xuyên.

**3.7.4. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp ( $\geq 01$  công trình)**

UBND huyện Trà Cú đã có Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 07/3/2023 về việc thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung khu dân cư thị trấn Định An và Báo cáo số 138/BC-UBND về việc hỗ trợ có mục tiêu vốn ngân sách tỉnh cho UBND huyện Trà Cú đầu tư xây dựng công trình hệ thống nước thải sinh hoạt đáp ứng tiêu chí huyện nông thôn mới tập trung khu dân cư thị trấn Định An, huyện Trà Cú và Quyết định 1326/ QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện Trà Cú về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung khu dân cư thị trấn Định An và đang tiến hành các bước còn lại.

***3.7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu;***

***Trên địa bàn huyện có 03 làng nghề:***

- Làng nghề Tiểu thủ công nghiệp (tre, trúc, tầm vong) tại xã Hàm Giang. Theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND huyện về phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường Làng nghề tiểu thủ công nghiệp (tre, trúc, tầm vong) xã Hàm Giang. Có thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường và ban hành quy chế hoạt động của Tổ tự quản. Hạ tầng kỹ thuật BVMT đảm bảo theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo Phương án đã được UBND huyện phê duyệt.

- Làng nghề dệt chiếu tại xã Hàm Tân. Theo Quyết định số 4697/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND huyện về phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề dệt chiếu xã Hàm Tân. Có thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường và ban hành quy chế hoạt động của Tổ tự quản. Hạ tầng kỹ thuật BVMT đảm bảo theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo Phương án đã được UBND huyện phê duyệt.

- Làng nghề đan lát xã Đại An. Theo Quyết định số 4263/QĐ-UBND huyện ngày 11/12/2018 về phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường làng nghề đan lát xã Đại An. Có thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường và ban hành quy chế hoạt động của Tổ tự quản. Hạ tầng kỹ thuật BVMT đảm bảo theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo đúng quy định. Các biện pháp BVMT thực hiện theo Phương án đã được UBND huyện phê duyệt.

- *Về bảo vệ môi trường của các khu, cụm công nghiệp; tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp (nếu có).* Huyện Trà Cú không có khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

***3.7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $\geq 2m^2$  /người).***

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: tổng diện tích 602.655 m<sup>2</sup>/147.419 người đạt 4,09 m<sup>2</sup>/người.

**3.7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (≥50%):**

- Xây dựng mô hình thu gom, xử lý chất thải nhựa tại 10 xã và 10 cơ sở tôn giáo. Các Mô hình đã triển khai: Mô hình thu gom chất thải nhựa tại các chợ, trường học, nhà văn hóa xã, các địa điểm du lịch.

- Chất thải nhựa phát sinh từ các hoạt động du lịch: các điểm tham quan du lịch trên địa bàn huyện đều có các thùng để thu gom chất thải nhựa sau đó được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Đối với nuôi trồng và khai thác thủy sản: Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện thu gom bán phế liệu.

- Đánh giá tỷ lệ thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý:

Trên địa bàn huyện hiện nay có 147.419 nhân khẩu, Tiểu thương của các chợ (1.748 ), Trường Trung học phổ thông (2.958 học sinh), Trường Trung học cơ sở (9.123 học sinh), Trường Tiểu học (13.416 học sinh), Trường Mẫu giáo (5.507 trẻ) theo đó lượng rác thải nhựa phát sinh trung bình ước tính khoảng 5.077,03 kg/ngày. Trên cơ sở đó huyện triển khai lồng ghép mô hình của Hội đoàn thể tuyên truyền vận động người dân tham gia thu gom, tái sử dụng, tái chế, chất thải nhựa, không bỏ trực tiếp ra môi trường, sông rạch, chất thải nhựa được thu gom, xử lý theo quy định, cụ thể như sau: Mô hình thu gom, tái chế chất thải nhựa có 93.164 nhân khẩu tham gia tương ứng 3.167,58 kg/ngày, xây dựng mô hình thu gom tại các trường: Trường Trung học phổ thông 2.958 học sinh tham gia (5,92 kg/ngày), Trường Trung học cơ sở 9.123 học sinh tham gia (18,25kg/ngày), Trường Tiểu học 13.416 học sinh tham gia (17,44 kg/ngày). Trường Mẫu giáo 5.507 trẻ tham gia (2,20 kg/ngày) và chợ có 1.437 tiểu thương tham gia ( 17,24 kg/ ngày). Tổng lượng chất thải nhựa được thu gom đem tái sử dụng, tái chế ước tính khoảng 3.232,36 kg/ngày. Do đó tỷ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý toàn huyện là 5.077,03/3.232,36 kg/ngày đạt 63,67% trên tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn.

**3.7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (100%):**

Có 01 điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (Công ty TNHH Kim Hoàng Phát) thực hiện lò đốt, huyện không có điểm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt .

**3.8.1. Đối với Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (≥50%)**

Huyện có 19/19 trạm cung cấp nước sạch và 1 trạm nước của công ty cấp thoát nước có tổ chức quản lý, khai thác bền vững, tỷ lệ 100%. Tổng Công suất được thiết kế 21.500m<sup>3</sup>/ ngày.

### **3.8.2. Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững (50%).**

Huyện có 32.372/ 43.369 hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung. Tỷ lệ 74,64%.

### **3.8.3. Kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện**

Đã có chủ trương theo Công văn số 243/UBND- TH ngày 07/3/2023 của UBND huyện về chủ trương thực hiện đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước, phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và nguồn nước mặt, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường vận hành thủ tục hiện nay hoàn thành đăng tải hồ sơ mời thầu.

### **3.8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn**

- Về xây dựng cảnh quan môi trường: trên địa bàn huyện có 21 tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp với chiều dài 32,335 Km hiện chưa có quyết định công nhận, kế hoạch tiếp tục thẩm định công nhận và tăng cường thực hiện Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời xây dựng thêm tuyến đường hoa, chăm sóc các tuyến đường hoa và chỉnh trang đô thị.

- Về xây dựng cảnh quan không gian sáng: 67/83 tuyến đường xã, liên xã, liên ấp được xây dựng/lắp đặt hệ thống chiếu sáng chiếm tỷ lệ 80,72 %.

### **3.8.5. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:**

Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện thường xuyên phối hợp với các xã tuyên truyền về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Vào dịp lễ, tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm, các xã phối hợp thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra giám sát về an toàn thực phẩm. Đến nay, trên địa bàn huyện có 10.995/10.995 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cấp huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%. Trong đó 1.219

hộ, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế được kiểm tra, cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, có 1.508 hộ và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực công thương thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm và 8.268 hộ, cơ sở sản xuất nông nghiệp thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm.

### **III. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:**

\* **Tiêu chí xã NTM:** có 15/15 xã đạt tiêu chí 17: môi trường và an toàn thực phẩm.

\* **Tiêu chí xã NTM nâng cao:** 3/3 xã đạt tiêu chí 17: môi trường và tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống.

#### **\* Huyện Nông Thôn mới:**

##### **- Tiêu chí 7: Môi trường**

+ Nội dung 7.1: Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh. **Đánh giá: Đạt**

+ Nội dung 7.2: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. **Đánh giá: Đạt**

+ Nội dung 7.3: Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên. **Đánh giá: Đạt.**

+ Nội dung 7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp. **Đánh giá: Chưa Đạt.**

+ Nội dung 7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu. **Đánh giá: Đạt.**

+ Nội dung 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. **Đánh giá: Đạt.**

+ Nội dung 7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. **Đánh giá: Đạt.**

+ Nội dung 7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định. **Đánh giá: Đạt.**



### **- Tiêu 8 về Chất lượng môi trường sống**

+ Nội dung 8.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung. **Đánh giá: Đạt.**

+ Nội dung 8.2: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. **Đánh giá: Đạt.**

+ Nội dung 8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện (chưa đạt). **Đánh giá: chưa Đạt.**

+ Nội dung 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn. **Đánh giá: chưa Đạt.**

+ Nội dung 8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. **Đánh giá: Đạt**

### **IV. Đề xuất, kiến nghị**

- Hỗ trợ, hướng dẫn về chuyên môn xây dựng huyện nông thôn.

- Hỗ trợ huyện xây dựng nhà lưu chứa rác thải chai lọ thủy tinh, kính vỡ còn tồn đọng tại một số khu vực.

- Hỗ trợ huyện Trà Cú thực hiện mô hình thu gom, phân loại chất thải rắn tại khu dân cư và cơ sở tôn giáo để lan tỏa, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động trong Nhân dân.

### **V. Kế hoạch triển khai trong trong thời gian tới:**

- Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng mô hình phân loại rác tại nguồn tại các xã Tập Sơn, Phước Hưng, Tân Hiệp, Thị trấn Định An và 10 cơ sở Tôn giáo; xây dựng nhà Lưu chứa miêng kính tại xã Ngọc Biên.

- Xây dựng mô hình thu gom, phân loại rác tại nguồn ở các xã: Thanh Sơn, Long Hiệp, Tân Sơn, Hàm Tân, Hàm Giang, An Quảng Hữu, Lưu Nghiệp Anh, Kim Sơn, Định An, Ngãi Xuyên.

- Xây dựng mô hình thu gom chất thải nhựa tại 10 xã và 10 cơ sở tôn giáo.

### **- Huyện NTM:**

+ Nội dung 7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (Chưa đạt): **Hoàn thành trong quý IV/2023.**

+ Nội dung 8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện (chưa đạt). **Hoàn thành trong quý III/2023.**

+ Nội dung 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn (chưa đạt). **Hoàn thành trong quý III/2023.**

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở tài nguyên và Môi trường năm./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Nghị**